

Số: 19/BB-THCSVTT

BIÊN BẢN
Về việc Niêm yết công khai năm học 2024-2025

I. THỜI GIAN: 8 giờ 30 ngày 07 tháng 7 năm 2025

II. ĐỊA ĐIỂM: Văn phòng Trường THCS Võ Trường Toàn

III. THÀNH PHẦN

1. Bà Nguyễn Thị Duyên – Hiệu trưởng
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Cẩm – Phó Hiệu trưởng
3. Bà Trần Ngọc Diệu Nhung – Thủ quỹ
4. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng – Kế toán
5. Bà Lê Thị Thùy Dương – Thư ký Hội đồng

IV. NỘI DUNG

1. Hồ sơ niêm yết công khai:

Niêm yết Báo cáo công khai năm học 2024-2025 (Báo cáo số 41/BC-THCSVTT ngày 03/7/2025 và các biểu mẫu kèm Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Báo cáo thực hiện quy chế công khai năm học 2024-2025)

2. Thời gian công khai

Từ 8 giờ 30 ngày 07/7/2025 đến hết ngày 07/10/2025 (Thực hiện niêm yết ít nhất 90 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, theo khoản 2 Điều 15 Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, có hiệu lực từ ngày 19/7/2024)

3. Địa điểm công khai: Bảng Thông báo tại khu Hành chính nhà trường, website trường <https://thcsvotruongtoanvc.edu.vn>

4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để được giải đáp.

Biên bản được lập xong vào lúc 9 giờ 00 cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Duyên

THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Nguyễn Thị Ngọc Cẩm – Phó Hiệu trưởng
2. Trần Ngọc Diệu Nhung – Thủ quỹ
3. Nguyễn Thị Kim Hồng – Kế toán

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Lê Thị Thùy Dương

Số: 41/BC-THCSVTT

Tân Triều, ngày 03 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO
Về việc thực hiện quy chế công khai năm học 2024-2025.

Căn cứ tình hình thực hiện, trường THCS Võ Trường Toản báo cáo như sau:

1. Quán triệt hệ thống văn bản pháp quy về thực hiện Quy chế công khai

Trong năm học 2024–2025, nhà trường đã quán triệt đầy đủ hệ thống các văn bản chỉ đạo liên quan đến việc thực hiện Quy chế công khai, bao gồm:

- Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT (quy định, hướng dẫn, hoặc sửa đổi – bổ sung liên quan đến công tác công khai; thực hiện theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT và Phòng GD&ĐT).

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí và giá dịch vụ giáo dục.

Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó quy định rõ trách nhiệm công khai của cơ sở giáo dục.

- Thông tư số 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, trong đó có cơ sở giáo dục công lập.

- Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về chế độ công khai tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Luật Giáo dục năm 2019, các quy định liên quan về quyền tiếp cận thông tin của công dân.

- Các văn bản hướng dẫn của UBND, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT về thực hiện công khai trong năm học.

Nhà trường đã tổ chức:

- Triển khai đầy đủ trong cuộc họp Hội đồng đầu năm và qua các kênh văn bản nội bộ.

- Niêm yết công khai tại văn phòng và đăng tải trên cổng thông tin điện tử (nếu có).

- Quán triệt đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhằm đảm bảo nhận thức đúng, thực hiện thống nhất các quy định.

Kết quả: 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên tiếp thu và thực hiện nghiêm túc; công tác công khai được triển khai minh bạch, đúng thời hạn, đúng quy định.

2. Kết quả thực hiện công khai

2.1. Công khai về tổ chức bộ máy và đội ngũ

- Nhà trường đã niêm yết công khai cơ cấu tổ chức, danh sách cán bộ – giáo viên – nhân viên, trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- Các thông tin được cập nhật kịp thời tại bảng thông tin của trường và trong các



cuộc họp Hội đồng.

Kết quả: 100% đội ngũ được công khai đầy đủ; không có phản ánh hay kiến nghị liên quan đến thiếu minh bạch.

2.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Số lượng phòng học, phòng chức năng, thư viện, thiết bị dạy học... được tổng hợp và công khai đúng mẫu biểu.

- Công khai kế hoạch tu sửa, bổ sung CSVC, mua sắm thiết bị; ghi rõ nguồn kinh phí theo từng nội dung.

Kết quả: Toàn bộ CSVC – thiết bị được công khai rõ ràng; các khoản đầu tư, mua sắm được báo cáo và niêm yết đầy đủ.

2.3. Công khai chất lượng giáo dục

- Công khai kết quả tuyển sinh các khối lớp theo chỉ tiêu được phê duyệt.

- Công khai kết quả giáo dục và rèn luyện học sinh: tỉ lệ hoàn thành môn học, năng lực, phẩm chất, tỉ lệ lên lớp, tỉ lệ HS tham gia và đạt giải các cuộc thi.

- Công khai kế hoạch giáo dục nhà trường, phân phối chương trình, thời khóa biểu.

Kết quả: Tất cả thông tin chất lượng giáo dục được niêm yết đúng thời điểm; minh bạch, không có thắc mắc từ phụ huynh.

2.4. Công khai tài chính

- Công khai dự toán – quyết toán ngân sách năm học; các khoản chi thường xuyên, mua sắm, sửa chữa.

- Công khai các khoản thu theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP; đảm bảo đúng nguyên tắc tự nguyện, không ép buộc.

Kết quả: Báo cáo tài chính được niêm yết định kỳ hằng quý; 100% khoản thu – chi minh bạch; không có đơn thư khiếu nại.

2.5. Đánh giá chung

Ưu điểm:

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, minh bạch theo các văn bản pháp luật.

- Hình thức công khai đa dạng: niêm yết, thông báo họp phụ huynh, văn bản nội bộ, họp hội đồng.

- Nhận được sự đồng thuận của giáo viên, phụ huynh, cơ quan quản lý.

Hạn chế

- Cập nhật trên cổng thông tin điện tử đôi lúc còn chậm.

- Một số minh chứng cần chuẩn hóa định dạng theo yêu cầu mới của Thông tư 09/2024.

Nguyên nhân

- Khối lượng công việc nhiều; trang thiết bị công nghệ thông tin còn hạn chế.

- Một số quy định mới được cập nhật trong năm học cần thời gian để triển khai đầy đủ.

Nơi nhận:

- Niêm yết tại VP;
- HĐSP nhà trường;
- Website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Duyên



ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN TRIỀU
TRƯỜNG THCS VÕ TRƯỜNG TOẢN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024-2025

(Thời điểm báo cáo ngày 03 tháng 7 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường THCS Võ Trường Toản

2. Địa chỉ, số điện thoại, cổng thông tin điện tử:

- Địa chỉ: Khu phố Thới Sơn, phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai

- Số điện thoại: 0355680684 / 0947638031

- Cổng thông tin điện tử:

Website: <https://thcsvotruongtoanvc.edu.vn>

Fanpage: <https://www.facebook.com/profile.php?id=100084157299224>

3. Loại hình cơ sở giáo dục/cơ quan quản lý trực tiếp

Trường THCS Võ Trường Toản/UBND phường Tân Triều

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mạng: Trường THCS Võ Trường Toản có sứ mạng tạo môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và chất lượng, giúp học sinh phát triển phẩm chất, năng lực, hình thành kỹ năng sống, nền tảng tri thức vững chắc và tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội.

- Tầm nhìn: Đến năm 2030, trường THCS Võ Trường Toản phấn đấu trở thành cơ sở giáo dục đạt chuẩn, có môi trường học tập hiện đại, đổi mới và sáng tạo, là nơi học sinh được phát triển toàn diện, giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và xu thế hội nhập.

- Mục tiêu:

+ Mục tiêu chung

. Xây dựng nhà trường kỷ cương – thân thiện – chất lượng – hiệu quả.

. Phát triển học sinh toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng sống.

. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

. Nâng cao năng lực đội ngũ, xây dựng tập thể đoàn kết, chuyên nghiệp.

+ Mục tiêu cụ thể

. 100% học sinh được học tập trong môi trường an toàn, bình đẳng; giảm tối đa tình trạng vi phạm nội quy và bạo lực học đường.

. Tỷ lệ học sinh khá, giỏi tăng hằng năm; hạn chế học sinh yếu, kém.

. Đổi mới ít nhất 30–50% chuyên đề dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát

triển năng lực.

. 100% giáo viên thực hiện đầy đủ quy định chuyên môn; $\geq 95\%$ đạt chuẩn hoặc trên chuẩn nghề nghiệp.

. Phát triển các câu lạc bộ học thuật – kỹ năng – thể thao, tạo môi trường học tập tích cực, khuyến khích sáng tạo.

. Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số, sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học và phần mềm trong quản lý.

5. Quá trình hình thành và phát triển của trường THCS Võ Trường Toản

Trường THCS Võ Trường Toản, tiền thân là trường cấp II Võ Thị Sáu sau đổi tên là trường THCS Tân Bình, tọa lạc trên diện tích 3257m² tại ấp Bình Phước, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, UBND tỉnh Đồng Nai đã có quyết định số 1308/QĐ-UBT ngày 29/04/2002 về việc xây dựng Trường THCS Võ Trường Toản thay thế cho trường THCS Tân Bình. Kể từ ngày 22/9/2003 theo quyết định số 2226/QĐ-UBH, Trường THCS Tân Bình chính thức đổi tên thành Trường THCS Võ Trường Toản.

Trường THCS Võ Trường Toản tọa lạc ở ấp Thới Sơn, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với diện tích 14.370 m² là một khu riêng biệt, có tường rào, có cổng trường, có nhà bảo vệ, nhà xe đạp cho giáo viên và học sinh rộng rãi, bố trí hợp lý. Cơ sở vật chất của nhà trường được xây dựng khang trang, đầy đủ phòng học, các phòng chức năng và các phương tiện làm việc khác phục vụ cho việc dạy học và các hoạt động khác của nhà trường.

Đội ngũ CB-GV-NV của trường đầy đủ, có năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao. Nội bộ nhà trường đoàn kết, ổn định, thống nhất. Đa số học sinh chăm ngoan, có nề nếp và có ý thức học tập tốt.

Qua hơn 23 năm hình thành và phát triển, được sự quan tâm của Lãnh đạo các cấp, Phòng GD&ĐT cùng với sự hỗ trợ nhiệt tình của BDD CMHS, tập thể giáo viên, học sinh đã nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, tỉ lệ học sinh giỏi tăng dần trong 5 năm qua; tỷ lệ học sinh yếu kém giảm dần góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. tốt.

6. Thông tin người đại diện

- Họ tên: Nguyễn Thị Duyên

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ làm việc: Trường THCS Võ Trường Toản, khu phố Thới Sơn, phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai

- SĐT: 0355680684;

Thư điện tử: thiduyentp@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập: Quyết định 2226/QĐ.CT.UBND ngày 22/9/2003 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu về việc Đổi tên Trường trung học cơ sở Tân Bình thành Trường Trung học cơ sở Võ Trường Toản.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 13/05/2025 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc củng cố Hội đồng Trường THCS Võ Trường Toản.

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường

- Hiệu trưởng Nguyễn Thị Duyên:

Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 12/03/2025 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc Thuyên chuyển, bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường THCS Võ Trường Toản.

Quyết định số 439/QĐ-SGDĐT ngày 01/7/2025 của Sở GD&ĐT Đồng Nai về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý

- Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Ngọc Cẩm

Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 05/05/2025 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ quản lý.

Quyết định số 440/QĐ-SGDĐT ngày 01/7/2025 của Sở GD&ĐT Đồng Nai về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý

d. Tổ chức bộ máy

- Ban Giám hiệu

+ Hiệu trưởng: quản lý điều hành mọi hoạt động của nhà trường; trực tiếp phụ trách công tác tổ chức, công tác kế hoạch, công tác đối ngoại, công tác tài chính của đơn vị, mua sắm - sửa chữa và tổ chức các hoạt động ngoại khóa của học sinh.

+ Phó Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về phần việc được phân công; Cùng Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về phần việc được giao; Thay mặt Hiệu trưởng điều hành các hoạt động của nhà trường khi được ủy quyền; Thay mặt Hiệu trưởng thực hiện công tác trực lãnh đạo, ghi nhận và giải quyết những vấn đề xảy ra trong buổi trực, nếu vượt ngoài thẩm quyền thì báo ngay cho Hiệu trưởng để xử lý.

- Tổ chuyên môn: Tham mưu cho Hiệu trưởng về việc phân công giảng dạy của các thành viên trong tổ; những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng bộ môn; Quản lý, điều hành các hoạt động của tổ và của các thành viên. Chủ trì các chương trình công tác, các cuộc họp của tổ; Xây dựng kế hoạch, nội dung hoạt động của tổ trên cơ sở kế hoạch chung của nhà trường; Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chương trình, quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách và nghiệp vụ sư phạm của các thành viên trong tổ. Đề xuất với Hiệu trưởng để phân công giáo viên có năng lực bồi dưỡng học sinh giỏi; Được ủy quyền ra đề kiểm tra đối với bộ môn (có quyền phân công tổ viên ra đề) và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng của đề kiểm tra và tính bảo mật; Luôn trao đổi chuyên môn, gương mẫu để làm chỗ dựa tin cậy cho đồng nghiệp và cho Hiệu trưởng; có trách nhiệm giúp đỡ và động viên các thành viên trong tổ hoàn thành tốt nhiệm vụ; Từng thời điểm, có thể phụ trách thêm một vài công tác khác do Hiệu trưởng phân công; Quản lý hồ sơ của tổ và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- Giáo viên THCS:

+ Xây dựng kế hoạch giáo dục của môn học được phân công và tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn theo mục tiêu, chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở.

+ Dạy học và giáo dục học sinh theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà

trường và tổ chuyên môn; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức.

- + Sử dụng các phương pháp dạy học, giáo dục theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh, tích cực hóa hoạt động của học sinh

- + Thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh theo quy định.

- + Tham gia phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu hoặc phụ đạo học sinh yếu kém hoặc hướng dẫn sinh viên thực tập sư phạm (nếu có).

- + Tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh và cha mẹ học sinh của lớp được phân công.

- + Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục, tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh.

- + Tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; tham gia nghiên cứu khoa học; hoàn thành hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục theo quy định; thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở và giáo dục hòa nhập trong phạm vi được phân công; tham gia tổ chức các hội thi (của giáo viên hoặc học sinh) từ cấp trường trở lên (nếu có).

- + Hoàn thành các khóa đào tạo, chương trình bồi dưỡng theo quy định; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

- + Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp, công nghệ mới từ cấp trường trở lên; chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ chuyên môn hoặc tham gia xây dựng học liệu điện tử.

- + Tham gia hướng dẫn hoặc đánh giá các sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ từ cấp trường trở lên.

- + Tham gia các hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng; thu hút sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh.

- + Tham gia đoàn đánh giá ngoài; hoặc công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên từ cấp trường trở lên.

- + Tham gia ban giám khảo hoặc ban ra đề hoặc người hướng dẫn trong các hội thi (của giáo viên hoặc học sinh) từ cấp trường trở lên (nếu có).

- + Tham gia biên soạn hoặc thẩm định hoặc lựa chọn sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương hoặc các tài liệu dạy học khác và tài liệu bồi dưỡng cho giáo viên.

- + Làm báo cáo viên, chia sẻ kinh nghiệm hoặc dạy minh họa ở các lớp tập huấn, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên từ cấp huyện trở lên hoặc tham gia dạy học trên truyền hình.

- + Chủ trì triển khai, hướng dẫn đồng nghiệp triển khai các chủ trương, nội dung đổi mới của ngành.

+ Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên từ cấp huyện trở lên; tham gia đánh giá hoặc hướng dẫn các sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ từ cấp huyện trở lên.

+ Tham gia ban tổ chức hoặc ban giám khảo hoặc ban ra đề trong các hội thi (của giáo viên hoặc học sinh) từ cấp huyện trở lên (nếu có).

- Nhân viên

+ Văn thư-Thủ quỹ:

Được Hiệu trưởng ủy nhiệm quản lý và sử dụng mộc dấu của nhà trường theo đúng quy chế; Quản lý sổ công văn đi-đến, tiếp nhận công văn và chuyển đến các bộ phận liên quan; quản lý và cập nhật sổ khen thưởng; Trực điện thoại, theo dõi mạng Internet kịp thời cập nhật thông tin và thông báo cho Hiệu trưởng; Giúp Hiệu trưởng soạn thảo các loại văn bản, báo cáo; Phụ trách công tác Pháp chế của nhà trường;

Thực hiện chức năng thu, giữ và chi tiền đúng quy định; Đảm bảo tốt hồ sơ, chứng từ liên quan, cập nhật kịp thời; Thông báo ngay cho Hiệu trưởng biết khi phát hiện có tình huống bất thường trong chi tiêu để kịp thời xử lý; Báo cáo kịp thời cho Hiệu trưởng tình hình thu, chi; Trung thực trong công việc, thường xuyên tự kiểm tra quỹ tiền mặt và đối chiếu với kế toán; Quan hệ phân minh với mọi đối tượng trong nhà trường; Thông báo và giải thích rõ ràng các chế độ thu, chi cho GV, HS và CMHS.

+ Kế toán: Tham mưu cho Hiệu trưởng, các bộ phận liên quan cách sử dụng kinh phí, thu chi đúng quy định của nhà nước; Giúp Hiệu trưởng xây dựng dự toán, kế hoạch tài chính của nhà trường trong từng năm học; Thực hiện chức năng quản lý hồ sơ tài chính đúng theo pháp lệnh tài chính kế toán của nhà nước; Đảm bảo thực hiện tốt chế độ lương, phụ cấp lương, BHXH và các chế độ phúc lợi quy định trong quy chế Chi tiêu nội bộ của nhà trường; Chứng từ, sổ sách minh bạch rõ ràng và đúng quy định; Công khai tài chính định kỳ theo yêu cầu của Hiệu trưởng; Đảm bảo các báo cáo định kỳ cho cấp trên;

+ Y tế: Sơ, cấp cứu ban đầu; Giáo dục sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh; Bảo quản thuốc và tài sản được quản lý; Thiết lập hệ thống sổ sách chuyên ngành theo quy định, cập nhật đầy đủ; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của hiệu trưởng.

+ Thiết bị thí nghiệm: Phối hợp với các tổ bộ môn lên kế hoạch và tổ chức thực hành thí nghiệm theo quy định của chương trình; Thiết lập các sổ theo đúng quy định để bảo quản ĐDDH, xây dựng nội quy khi THTN; Quản lý các phòng máy, phòng Internet. Theo dõi, xếp lịch và báo cáo việc sử dụng các phòng chức năng nói trên; Lên kế hoạch trực thiết bị. Quản lý và cho mượn ĐDDH, ghi nhận và báo cáo cho Lãnh đạo nhà trường việc sử dụng ĐDDH của GV; Lên kế hoạch và tham mưu cho Hiệu trưởng việc mua sắm ĐDDH; Quản lý, bảo quản tài sản được giao; Lập sổ tài sản và cập nhật kịp thời theo đúng quy định.

e. Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc của lãnh

đạo đơn vị

Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Duyên; SĐT: 0355680684; Thư điện tử: thiduyentp@gmail.com; Trường THCS Võ Trường Toản, khu phố Thới Sơn, phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai

Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Ngọc Cẩm; SĐT: 0947638031; Thư điện tử: nguyencamvtt@gmail.com; Trường THCS Võ Trường Toản, khu phố Thới Sơn, phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng

Tổng số CB-GV-NV: 52/58 biên chế giao (QL: 2, GV: 46 (tính TPT), NV: 4)

- Số CBQL thiếu: 1 Phó Hiệu trưởng.

- Số GV thiếu chưa tuyển dụng được: 5 GV (1 GV Ngữ văn nghỉ hưu 01/8/2025);
Bộ môn cần tuyển dụng: 1 tiếng Anh, 1 GD&CD, 1 Công nghệ, 1 Mĩ thuật, 1 Ngữ văn.

- Số nhân viên thiếu: 1 ; Vị trí cần tuyển dụng: Nhân viên thư viện

- Hợp đồng lao động 161: 2 người (1 bảo vệ, 1 phục vụ)

- Số GV thỉnh giảng: 4 GV (môn: 1 Lịch sử, 1 Địa lý, 2 Mĩ thuật).

2. số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Về CBQL: Số cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn 2/2 người, tỷ lệ 100%; trên chuẩn 0/2 người, tỷ lệ 0,0%.

- Về GV: Số GV đạt chuẩn 42/46, tỷ lệ 91.3%; trên chuẩn 01/46 người, tỷ lệ 2,17%, chưa đạt chuẩn 4/46 người, tỷ lệ 8.7%

+ Số GV chưa đạt chuẩn đang theo học lớp hoàn chỉnh: 2/4 (2 GV đang học Đại học Lịch sử, tiếng Anh)

+ Số GV chưa đạt chuẩn nhưng không theo học lớp hoàn chỉnh: 2 GV (2GV lớn tuổi: 1 GV sinh năm 1967, 1 GV sinh năm 1968)

- Về nhân viên: Số nhân viên đạt chuẩn 4/4, tỷ lệ 100%, chưa đạt chuẩn 0/4, tỷ lệ 0,0%.

3. Số lượng tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

- Số cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp đào tạo trong năm học 2024-2025 (đã tốt nghiệp): Đại học: 0 người, Thạc sĩ: 0 người

- Số cán bộ quản lý, giáo viên tham gia bồi dưỡng lớp quản lý: 0 người

- Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có sáng kiến, chuyên đề đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục: 43

4. Kết quả phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm học 2024 -2025)

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 11/52, tỷ lệ 21,2% (cán bộ quản lý 1/2, tỷ lệ 50 %; giáo viên, nhân viên 10/52, tỷ lệ 19.2%)

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 41/52, tỷ lệ 78,8% (cán bộ quản lý 1/2, tỷ lệ 50%; giáo viên, nhân viên 40/52, tỷ lệ 76.9%)

- Hoàn thành nhiệm vụ: 0/52, tỷ lệ 0,0%
- Không hoàn thành nhiệm vụ: 0/52, tỷ lệ 0,0%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Phòng làm việc

Có 9 phòng làm việc gồm: 01 phòng HT, 01 phòng PHT, 01 phòng bảo vệ, 01 văn phòng, 01 phòng truyền thông, 01 phòng Đoàn Đội, 01 phòng Công đoàn, 01 phòng họp tổ CM; 01 phòng tạp vụ.

2. Phòng học:

- Có 14 phòng học dành cho lớp học 1 buổi/ngày.
- Tổng số bàn ghế học sinh hiện có: 360 bộ bàn ghế (*phòng học chính đủ bàn ghế, các phòng bộ môn chưa có bàn ghế 2 chỗ ngồi*)
- Số phòng học được trang bị thiết bị công nghệ thông tin (ti vi): 14/14 phòng, tỷ lệ 100%

3. Phòng bộ môn

Có 08 phòng bộ môn, gồm:

- Phòng tin học: Có 02 phòng, diện tích 50 m²/phòng, trang bị 31 máy vi tính/phòng, tổng 62 máy tính. (*Hiện cả hai phòng máy còn 05 máy hoạt động được*)
- Phòng ngoại ngữ: Có 01 phòng, diện tích iện tích 50 m², trang bị 12 bộ bàn ghế 4 chỗ ngồi, 1 bảng tương tác.
- Phòng âm nhạc: Có 01 phòng, diện tích 50 m², trang bị 12 bộ bàn ghế 4 chỗ ngồi, 1 Tivi, 1 đàn organ, sáo,...
- Phòng mỹ thuật: Có 01 phòng, diện tích 50 m², trang bị 12 bộ bàn ghế 4 chỗ ngồi, 1 Tivi
- Phòng công nghệ: Có 01 phòng, diện tích 50 m², trang bị 12 bộ bàn ghế 4 chỗ ngồi, 1 bảng tương tác.
- Phòng thực hành Hóa: Có 01 phòng, diện tích 75 m², trang bị bàn ghế thí nghiệm dành cho các nhóm, 1 bảng tương tác, kho chứa hóa chất
- Phòng thực hành Lý: Có 01 phòng, diện tích 50 m², trang bị TV, 1 kho chứa ĐDDH

4. Các phòng hỗ trợ học tập:

- Thư viện: Có 1 phòng thư viện, 1 thư viện xanh, 1 phòng đọc được trang bị đầy đủ các loại sách như sách giáo khoa, sách tham khảo, truyện, tạp chí,... Số sách giáo khoa CT GDPT 2018: 948 cuốn; sách tham khảo: 4830 cuốn, sách thiếu nhi: 2409 cuốn.

Người phụ trách: GV Kiêm nhiệm, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện.

- Ngôi nhà trí tuệ: Có diện tích 30m²

- Phòng thiết bị giáo dục: Có diện tích 50 m², có 6 loại thiết bị (gồm máy cattset, tai nghe, bộ chọn trắc nghiệm, máy chiếu đa vật thể, laptop, màn chiếu), 6 bộ đồ dùng dạy học/khối theo chương trình 2006

- Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập: không có

- Phòng truyền thống: Có diện tích 50 m²
- Phòng họp: Không có
- Hội trường: Có diện tích 200 m², trang bị 51 bộ bàn ghế 4 chỗ ngồi, trang thiết bị: 2 tivi

- Phòng nghỉ giáo viên: có 03 phòng, diện tích mỗi phòng 25 m²

5. Công trình thể dục thể thao:

- Hồ bơi: Diện tích 150 m²
- Sân bóng đá: Diện tích 748 m²
- Bãi tập: Có 1 bãi tập, gồm 2 sân cầu lông, 1 sân bóng chuyền, 1 hồ nhảy, 1 đường chạy, diện tích 1.000 m²
- Khu vui chơi: Có 01 khu vui chơi, diện tích 3.167 m²

6. Nhà vệ sinh

- Khu vệ sinh học sinh: 8 khu
- Nhà vệ sinh trong phòng nghỉ giáo viên: 4 phòng

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường được công nhận và cấp Chứng nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, theo quyết định số 244/QĐ-SGDĐT ngày 25/3/2022 của Sở GD&ĐT Đồng Nai

Trường được công nhận và cấp Bằng trường trung học đạt chuẩn quốc gia năm 2022, Mức độ 1, theo quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 08/06/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai

V. KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Tổng số học sinh: 1228/27 lớp, gồm:

- + Khối 6: 7 lớp, 316 HS
- + Khối 7: 8 lớp, 350 HS
- + Khối 8: 7 lớp, 328 HS
- + Khối 9: 5 lớp, 234 HS

2. Kết quả giáo dục

2.1 Toàn trường

	Tốt (%)	Khá (%)	Đạt (%)	Chưa đạt (%)
Rèn luyện	1224/1228 99,67%	4/1228 0,33%	0/1228 0,0%	0/1228 0,0%
Học tập	609/1228 49,59%	468/1228 38,11%	151/1228 12,30%	0/1228 0,0%

2.2. Theo khối, lớp

Với Kết quả rèn luyện

Lớp	Tổng số HS	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN				
		TỐT	KHÁ	ĐẠT	C.ĐẠT	Trên TB

		Trong đó: Nữ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
TỔNG	1228	585	1224	99.67	4	0.33					1228	100.00
K6	316	142	316	100.00							316	100.00
6.1	45	21	45	100.00							45	100.00
6.2	45	19	45	100.00							45	100.00
6.3	45	18	45	100.00							45	100.00
6.4	45	27	45	100.00							45	100.00
6.5	46	18	46	100.00							46	100.00
6.6	45	20	45	100.00							45	100.00
6.7	45	19	45	100.00							45	100.00
K7	350	169	350	100.00							350	100.00
7.1	43	20	43	100.00							43	100.00
7.2	45	20	45	100.00							45	100.00
7.3	44	22	44	100.00							44	100.00
7.4	44	21	44	100.00							44	100.00
7.5	42	22	42	100.00							42	100.00
7.6	44	15	44	100.00							44	100.00
7.7	43	22	43	100.00							43	100.00
7.8	45	27	45	100.00							45	100.00
K8	328	156	325	99.09	3	0.91					328	100.00
8.1	47	22	47	100.00							47	100.00
8.2	46	21	46	100.00							46	100.00
8.3	47	24	46	97.87	1	2.13					47	100.00
8.4	46	22	44	95.65	2	4.35					46	100.00
8.5	47	23	47	100.00							47	100.00
8.6	48	22	48	100.00							48	100.00
8.7	47	22	47	100.00							47	100.00
K9	234	118	233	99.57	1	0.43					234	100.00
9.1	46	19	45	97.83	1	2.17					46	100.00
9.2	45	21	45	100.00							45	100.00
9.3	46	21	46	100.00							46	100.00
9.4	47	28	47	100.00							47	100.00
9.5	50	29	50	100.00							50	100.00

Với Kết quả học tập

Lớp	Tổng số HS	Trong đó: Nữ	KẾT QUẢ HỌC TẬP										DANH HIỆU	
			TỐT		KHÁ		ĐẠT		C.ĐẠT		Trên TB		HSG/HSXS	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
TỔNG	1228	585	609	49.59	468	38.11	151	12.30			1228	100.00	609	49.59
K6	316	142	141	44.62	111	35.13	64	20.25			316	100.00	141	44.62
6.1	45	21	17	37.78	19	42.22	9	20.00			45	100.00	17	37.78
6.2	45	19	15	33.33	23	51.11	7	15.56			45	100.00	15	33.33
6.3	45	18	17	37.78	12	26.67	16	35.56			45	100.00	17	37.78
6.4	45	27	45	100.00							45	100.00	45	100.00

6.5	46	18	16	34.78	20	43.48	10	21.74			46	100.00	16	34.78
6.6	45	20	16	35.56	15	33.33	14	31.11			45	100.00	16	35.56
6.7	45	19	15	33.33	22	48.89	8	17.78			45	100.00	15	33.33
K7	350	169	179	51.14	131	37.43	40	11.43			350	100.00	179	51.14
7.1	43	20	20	46.51	14	32.56	9	20.93			43	100.00	20	46.51
7.2	45	20	20	44.44	21	46.67	4	8.89			45	100.00	20	44.44
7.3	44	22	21	47.73	20	45.45	3	6.82			44	100.00	21	47.73
7.4	44	21	17	38.64	20	45.45	7	15.91			44	100.00	17	38.64
7.5	42	22	20	47.62	18	42.86	4	9.52			42	100.00	20	47.62
7.6	44	15	23	52.27	15	34.09	6	13.64			44	100.00	23	52.27
7.7	43	22	14	32.56	22	51.16	7	16.28			43	100.00	14	32.56
7.8	45	27	44	97.78	1	2.22					45	100.00	44	97.78
K8	328	156	156	47.56	133	40.55	39	11.89			328	100.00	156	47.56
8.1	47	22	22	46.81	22	46.81	3	6.38			47	100.00	22	46.81
8.2	46	21	24	52.17	18	39.13	4	8.70			46	100.00	24	52.17
8.3	47	24	22	46.81	18	38.30	7	14.89			47	100.00	22	46.81
8.4	46	22	21	45.65	22	47.83	3	6.52			46	100.00	21	45.65
8.5	47	23	17	36.17	22	46.81	8	17.02			47	100.00	17	36.17
8.6	48	22	26	54.17	16	33.33	6	12.50			48	100.00	26	54.17
8.7	47	22	24	51.06	15	31.91	8	17.02			47	100.00	24	51.06
K9	234	118	133	56.84	93	39.74	8	3.42			234	100.00	133	56.84
9.1	46	19	21	45.65	23	50.00	2	4.35			46	100.00	21	45.65
9.2	45	21	21	46.67	21	46.67	3	6.67			45	100.00	21	46.67
9.3	46	21	25	54.35	19	41.30	2	4.35			46	100.00	25	54.35
9.4	47	28	34	72.34	12	25.53	1	2.13			47	100.00	34	72.34
9.5	50	29	32	64.00	18	36.00					50	100.00	32	64.00

3. Số lượng HS chuyển đến: 46 học sinh

TT	Họ tên	Nhận vào lớp	Ngày sinh	Giới tính	Chuyển đi Tỉnh/Thành phố	Chuyển đi Quận/Huyện	Chuyển đi từ trường	Ghi chú
1	Võ Minh An	6.1	08/04/2013	Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	THCS Thị Trấn	
2	Ngô Lý Thư Kỳ	6.2	10/01/2013	Nữ	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Long Khánh	Trường THCS Hồ Thị Hương	
3	Nguyễn Ngọc Khánh Băng	6.2	06/02/2013	Nữ	Tỉnh Kiên Giang	Huyện Châu Thành	Trường THCS Mong Thọ A	
4	Hồ Tuyết Nhi	6.6	13/11/2013	Nữ	Bình Dương	Bến Cát	THCS Lê Quý Đôn	
5	Bùi Văn Đạt	6.7	06/08/2011	Nam	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	THCS Tam Hiệp	
6	Nguyễn Ngọc Anh	7.1	10/03/2012	Nữ	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	Tiểu học, THCS và THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	

7	Vũ Tuấn Tú	7.1	19/09/2012	Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 6	THCS Lam Sơn	
8	Võ Ngọc Gia An	7.1	07/08/2012	Nam	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	Trường THCS Trường Sa	
9	Phạm Minh Bảo	7.1	27/7/2012	Nam	Đồng Nai	Biên Hòa	TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn	
10	Trần Lê Minh Anh	7.2	20/08/2012	Nữ	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Thủ Đức	TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	
11	Võ Ngân Hoàng Nam	7.2	11/08/2011	Nam	Tỉnh Bình Dương	Huyện Bắc Tân Uyên	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lạc An	
12	Lê Hoàng Ái My	7.2	27/03/2011	Nữ	Tỉnh Đồng Nai	Huyện Vĩnh Cửu	Trường THCS Thạnh Phú	
13	Lê Lâm Khang	7.3	23/04/2012	Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Thủ Đức	THCS Tân Phú	
14	Nguyễn Phạm Minh Tú	7.3	12/11/2012	Nam	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	Tiểu học, THCS và THPT Bùi Thị Xuân	
15	Trần Thị Mai Trinh	7.3	27/09/2012	Nữ	Tỉnh An Giang	Huyện Châu Phú	Trường THCS Mỹ Phú	
16	Lê Hữu Kỳ	7.4	27/10/2011	Nam	Đồng Nai	Vĩnh Cửu	THCS Thạnh Phú	
17	Trần Đình Khôi	7.5	25/08/2012	Nam	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	Tiểu học, THCS và THPT Song ngữ Lạc Hồng	
18	Nguyễn Ly Ti Na	7.5	12/11/2012	Nữ	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Thủ Đức	THCS Dương Văn Thi	
19	Võ Lê Huyền Trân	7.5	09/12/2012	Nữ	Tỉnh Bình Dương	Thành phố Tân Uyên	TH-THCS Huỳnh Văn Lũy	
20	Võ Văn Thái	7.7	06/12/2012	Nam	Tỉnh Bình Dương	Thành phố Dĩ An	Trường THCS Tân Bình	
21	PHẠM ÊBAN THI THIÊN	7.7	23/02/2012	Nam	Tỉnh Đắk Lắk	Huyện Krông Bông	THCS Hoà Phong	
22	Đỗ Đại Hùng	8.1	30/06/2010	Nam	Tỉnh Đồng Nai	Huyện Vĩnh Cửu	Trường THCS Thạnh Phú	
23	Nguyễn Phan Vinh	8.2	25/02/2011	Nam	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	Tiểu học, THCS và THPT Song ngữ Lạc Hồng	
24	Nguyễn Đăng Phú	8.2	15/12/2011	Nam	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	THCS An Bình	
25	Nguyễn Ngọc Trúc Lâm	8.3	27/06/2011	Nữ	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	Tiểu học, THCS và THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	
26	Phạm Thị Yến Vy	8.3	25/12/2011	Nữ	Thành phố Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	TRƯỜNG THCS TÂN SƠN	
27	Huỳnh Tấn Phát	8.3	7/8/2011	Nam	Đồng Nai	Vĩnh Cửu	THCS Thạnh Phú	

28	Lê Đức Anh	8.4	17/12/2011	Nam	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	THCS Tân An
29	Bùi Hoàng Phúc	8.5	29/03/2011	Nam	Tỉnh Bình Dương	Thành phố Dĩ An	Trường THCS An Bình
30	Nguyễn Khánh Ly	8.5	15/03/2011	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Yên Định	Trường THCS Yên Trung
31	Lưu Phước An	8.6	15/03/2011	Nam	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	THCS Quyết Thắng
32	Dương Quỳnh Anh	8.6	24/11/2011	Nữ	Tỉnh Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên	THCS Gia Sàng
33	Ngô Chung Hậu	8.7	18/05/2011	Nam	Tỉnh Bình Định	Huyện Phù Mỹ	Trường THCS Mỹ Thọ
34	Thiều Thị Ngọc Anh	8.7	16/06/2011	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Thiệu Hóa	Trường THCS Thiệu Công
35	Phạm Minh Phong	8.7	06/06/2011	Nam	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	Tiểu học, THCS và THPT Bùi Thị Xuân
36	Nguyễn Thanh Khoa	8.7	12/06/2011	Nam	Tỉnh Đồng Nai	Huyện Vĩnh Cửu	Trường THCS Thạnh Phú
37	Nguyễn Duy Quân	9.1	25/06/2010	Nam	Tỉnh Đồng Nai	Huyện Cẩm Mỹ	Trường THCS Lê Quý Đôn
38	Nguyễn Minh Quân	9.1	25/06/2010	Nam	Tỉnh Đồng Nai	Huyện Cẩm Mỹ	Trường THCS Lê Quý Đôn
39	Võ Lê Duy Khang	9.1	23/05/2010	Nam	Tỉnh Bình Dương	Thành phố Tân Uyên	TH-THCS Huỳnh Văn Lũy
40	Đoàn Khánh Như	9.1	04/01/2010	Nữ	Tỉnh Đồng Nai	Huyện Vĩnh Cửu	Trường THCS Thạnh Phú
41	Nguyễn Đình Tuyên	9.1	27/12/2010	Nam	Đồng Nai	Vĩnh Cửu	THCS Thạnh Phú
42	Lê Hải Nam	9.2	28/11/2010	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Thạch Thành	Trường THCS Thành Hưng
43	Võ Thị Anh Thư	9.3	30/04/2010	Nữ	Tỉnh Bình Dương	Thành phố Dĩ An	Trường THCS Tân Bình
44	Ngô Lý Gia Kỳ	9.3	12/11/2010	Nữ	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Long Khánh	Trường THCS Hồ Thị Hương
45	Liêng Doãn Hoàng Lâm	9.5	10/04/2010	Nam	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	Tiểu học, THCS và THPT Bùi Thị Xuân
46	Trần Đức Long	8.6	7/11/2011	Nam	Bình Dương	Dĩ An	THCS Đông Châu

4. Số học sinh xin học lại đầu năm học 2024-2025: 02 HS

STT	Tên lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Trạng thái học sinh	Lý do nghỉ học năm 2023-2024
1	7.1	Phạm Nguyễn Đức Tài	14/08/2011	Nam	Kinh	Nghỉ học xin học lại kỳ 1	HS bỏ học
2	8.5	Trương Minh Quân	27/01/2010	Nam	Kinh	Nghỉ học xin học lại kỳ 1	Bị tai nạn cần điều trị lâu dài

5. Số học sinh chuyên đi nơi khác học: 18 HS

STT	Tên lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Trạng thái học sinh	Ngày chuyển đi	Chuyển đến Tỉnh/Thành phố	Chuyển đến Quận/Huyện	Chuyển đến trường	Lý do chuyển đi
1	6.1	Võ Minh An	08/04/2013	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 2	12/02/2025	Thành phố Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	THCS Tân Tiến	Chuyển theo nguyện vọng gia đình
2	6.2	Nguyễn Gia Bảo	26/08/2013	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 2	10/02/2025	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	THCS Đồng Hoá	Chuyển theo nguyện vọng
3	6.3	Nguyễn Ngọc Phụng	15/09/2013	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	27/08/2024	Tỉnh Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	Trường THCS Chà Lả	Chuyển theo gia đình.
4	6.4	Nguyễn Hoàng Khánh Ly	27/07/2013	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 2	10/02/2025	Tỉnh Quảng Trị	Thành phố Đông Hà	Trường Liên cấp Hội nhập Quốc tế iSchool Quảng Trị	Chuyển theo nguyện vọng
5	7.1	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	08/12/2012	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	22/07/2024	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	Trường THCS Trảng Dài	Theo nguyện vọng của gia đình.
6	7.1	Dương Hoài Nhân	04/04/2012	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	19/08/2024	Tỉnh Trà Vinh	Huyện Duyên Hải	THCS TT LONG THÀNH	Theo nguyện vọng của gia đình.
7	7.2	Nguyễn Thị Thanh Thảo	11/10/2012	Nữ	Kinh	Chuyển đi trong hè	22/05/2024	Tỉnh Nghệ An	Huyện Yên Thành	THCS Xuân Thành	Chuyển theo nguyện vọng của gia đình.
8	7.3	Nguyễn Lương Gia Hân	02/12/2012	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	08/11/2024	Tỉnh Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	Trường THCS Thị Xuân	Chuyển đi theo nguyện vọng gia đình
9	7.3	Nguyễn Lê Như Quỳnh	16/11/2012	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	02/10/2024	Tỉnh Long An	Huyện Tân Trụ	THCS Nguyễn Văn Bộ	Theo nguyện vọng của gia đình.
10	7.4	Huỳnh Tô Anh Thiện	09/01/2012	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	23/08/2024	Tỉnh Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt	Trường THCS & THPT Tây Sơn	Chuyển theo gia đình.
11	7.5	Nguyễn Võ Tuấn Khang	05/08/2011	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	05/08/2024	Tỉnh Cà Mau	Huyện Trần Văn Thời	THCS Trần Hợi	Theo nguyện vọng của gia đình.

12	7.6	Nguyễn Gia Bảo	03/09/2012	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	13/08/2024	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	Trường Tiểu học, THCS và THPT Thái Bình Dương	Theo nguyện vọng của gia đình.
13	8.2	Trần Minh Tuấn	01/08/2011	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	17/07/2024	Tỉnh An Giang	Huyện Châu Phú	Trường THCS Mỹ Phú	Theo nguyện vọng của gia đình.
14	8.3	Huỳnh Hồ Minh Chí	29/10/2011	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	22/07/2024	Tỉnh Sóc Trăng	Thị xã Ngã Năm	Trường THCS Phường 1	Theo nguyện vọng của gia đình.
15	8.6	Đỗ Nguyễn Bảo Linh	30/08/2011	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	06/06/2024	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	Trường Tiểu học, THCS và THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	Theo nguyện vọng của gia đình.
16	8.7	Đinh Nhựt Thanh	26/12/2011	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	19/06/2024	Tỉnh Hậu Giang	Thành phố Ngã Bảy	THCS NGUYỄN DU	Theo nguyện vọng của gia đình.
17	9.2	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	26/04/2010	Nữ	Kinh	Chuyển đi kỳ 2	10/02/2025	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	THCS Đồng Hoá	Chuyển theo nguyện vọng
18	9.3	Huỳnh Công Quang Vinh	03/04/2010	Nam	Kinh	Chuyển đi kỳ 1	30/07/2024	Tỉnh Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	Trường THCS Hành Thiện	Theo nguyện vọng của gia đình.

6. Số học sinh thôi học trong hè 2024: 6 HS

STT	Tên lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Trạng thái học sinh	Ghi chú
1	7.1	Trần Lê Thành Đạt	22/06/2012	Nam	Kinh	Thôi học trong hè	Bỏ học trong hè 2024
2	8.2	Lê Nguyễn Công Hậu	26/07/2008	Nam	Kinh	Thôi học trong hè	Bỏ học trong hè 2024
3	9.4	Ngô Quốc Phong	28/12/2009	Nam	Kinh	Thôi học trong hè	Bỏ học trong hè 2024
4	7.3	Lê Minh Hy	19/05/2012	Nam	Kinh	Thôi học trong hè	Gia đình chuyển nơi khác trong hè 2024 (Bỏ học trong hè)
5	7.5	Nguyễn Hoài Nam	21/10/2011	Nam	Kinh	Thôi học trong hè	Gia đình chuyển nơi khác trong hè 2024 (Bỏ học trong hè)
6	8.3	Nguyễn Thị Hồng Gấm	30/08/2009	Nữ	Kinh	Thôi học trong hè	Gia đình chuyển nơi khác trong hè 2024 (Bỏ học trong hè)

7. Số học sinh thôi học trong năm học 2024-2025

STT	Tên lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Trạng thái học sinh	Lý do
1	6.6	Trần Thành Danh	24/11/2011	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 1	Nguyên nhân khác
2	6.7	Lê Nguyễn Ngọc An	22/01/2013	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 2	Nguyên nhân khác
3	7.5	Phùng Ngọc Kim Anh	14/01/2012	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 2	Nguyên nhân khác
4	7.7	Nguyễn Võ Phúc Hải	10/04/2012	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 1	Nguyên nhân khác
5	7.7	Trần Thị Lan Trinh	09/07/2012	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 2	Nguyên nhân khác
6	8.4	Nguyễn Thị Thu Hương	21/03/2011	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 2	Nguyên nhân khác
7	8.5	Bùi Thanh Hào	07/09/2010	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 2	Nguyên nhân khác
8	8.7	Phạm Nguyễn Hoàng Yến	05/01/2011	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 2	Nguyên nhân khác
9	9.1	Lê Nhựt Hào	05/06/2010	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 1	Nguyên nhân khác
10	9.1	Nguyễn Phan Xuân Nghi	28/05/2010	Nữ	Kinh	Thôi học kỳ 1	Bệnh nan y, cần điều trị lâu dài
11	9.4	Nguyễn Trần Gia Bảo	17/03/2010	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 2	Nguyên nhân khác
12	9.4	Lã Võ Lý Thái	08/07/2010	Nam	Kinh	Thôi học kỳ 2	Nguyên nhân khác

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính trong năm tài chính liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu

- Các khoản thu phân theo nguồn kinh phí

+ Ngân sách nhà nước năm 2024: 9.909.866.589đ

+ Học phí: 480.082.500đ

+ Phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp năm học 2024-2025: 240.689.479đ

- Các khoản thu theo loại hoạt động:

+ Quỹ BDD CMHS năm học 2024-2025: 254.251.085đ

1.2. Các khoản chi:

- Chi lương và hoạt động (nguồn ngân sách tự chủ): 9.909.866.589đ

- Chi học phí: 260.749.500đ

- Chi kinh phí Đảng: 29.963.538 (Nộp cấp trên: 20.974.474; Chi hoạt động Chi bộ: 8.989.064)

- Phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp năm học 2024-2025: 239.136.000đ

- Quỹ BDD CMHS năm học 2024-2025: 241.218.826đ

1.3. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, tất cả các khoản thu trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo

- Học phí: 45.000 đồng/họcsinh/tháng

- Quỹ phụ vụ học tập: 226.000đồng/học sinh/năm

(Kèm phụ lục Công khai mức thu học phí và các khoản thu khác)

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

Số học sinh được miễn, giảm học phí trong năm học 2024-2025: 40 HS

3. Số dư các quỹ theo quy định

- Ngân sách nhà nước: 0đ

- Học phí: 0 đ

- Phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp năm học 2024-2025: 1.553.479đ

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trong năm học 2024-2025, về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học, nhà trường cơ bản đã đạt được các mục tiêu đề ra về chất lượng giáo dục hai mặt của học sinh, sáng kiến, sáng tạo khoa học kỹ thuật, ... với các kết quả cụ thể như sau:

- Hội thi kể chuyện và vẽ tranh theo sách

Cấp huyện: 1 giải khuyến khích vẽ tranh, 1 giải nhì kể chuyện

- Hội thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng năm 2024

Cấp huyện: 1 giải ba, 1 giải khuyến khích

Cấp tỉnh: 1 giải khuyến khích

- Hội thao Ngành GD do Phòng GD tổ chức chào mừng 20/11: Giải nhất Kẹp bong bóng, Giải nhất Di chuyển trên ghế, Giải nhì văn nghệ, Giải nhất toàn đoàn

- Hội thi viết và tuyên truyền viên về ATGT cấp huyện: 1 giải ba viết, 1 giải nhì tuyên truyền viên.

- Hội thi GV dạy giỏi cấp trường: 40 GV, GVDG cấp huyện: 10 GV; GVDG cấp tỉnh: 2 GV (đạt 1 giải Ba)

- Hội thi Phát huy sáng kiến sáng tạo trong lao động học tập (Chương trình 6): 1 giải Khuyến khích

- Hội thi Duyên dáng sắc xuân do Phòng GD&ĐT tổ chức: 1 giải ba

- Cuộc thi Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh

Cấp huyện: 1 giải ba, 5 giải khuyến khích

Cấp tỉnh: 1 giải nhì

- Olympic tiếng Anh (IOE) cấp huyện: có 32 học sinh đạt; cấp tỉnh có 2 HS được vinh danh; cấp quốc gia có 4 HS.

- Toán Vioedu: cấp huyện đạt 4 HS, cấp tỉnh đạt 2 HS

- Toán Violympic: 1 giải vàng cấp tỉnh, đạt cấp quốc gia

- Toán quốc tế CIMO: 1 giải đồng quốc gia

- Hội thi Nhà sử học nhỏ tuổi: 4 giải.

- Về các hội thao

- + Giải Cờ vua huyện Vĩnh Cửu hè 2024: 2 giải nhất (1 cá nhân, 1 đồng đội), 3 giải ba (2 cá nhân, 1 đồng đội)
- + Giải cầu lông huyện Vĩnh Cửu hè 2024: 2 giải ba (2 giải đồng đội)
- + Giải đá cầu cấp huyện 2025: 2 giải nhất đồng đội, 2 giải ba cá nhân.
- Thi viết sáng kiến về an toàn trường học: 1 giải ba



Nguyễn Thị Duyên